

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/HNGĐ-PT

Ngày 20-02-2019

V/v tranh chấp về nuôi con chung khi
ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hà

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thái Hà

Bà Nguyễn Thị Thanh Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Minh Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 85/2018/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 10/2019/QĐPT-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N – sinh năm 1983; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu A, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thái Bình; Chỗ ở hiện tại: Thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1981; Địa chỉ: Khu A, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thái Bình; Có mặt.

- Người kháng cáo: Anh Nguyễn Văn T là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm, vụ án có nội dung như sau:

** Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T tự nguyện kết hôn vào ngày 02/3/2002 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Hưng Nhân, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T nghiện ma túy nên vợ chồng thường xuyên cãi chửi và đánh nhau. Mâu thuẫn căng thẳng, không thể giải quyết được nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ để sinh sống và sống ly thân anh T từ tháng 7 năm 2018 cho đến nay. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh T, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

- Về con chung: Chị N và anh T có ba con chung là cháu Nguyễn Thị T1, sinh ngày 15/9/2002; cháu Nguyễn Thị Thanh T2, sinh ngày 25/11/2007; cháu Nguyễn Đức D, sinh ngày 05/02/2013. Chị N hiện đang làm công nhân, thu nhập ổn định từ 5 triệu đến 6 triệu đồng/ tháng. Ly hôn chị N đề nghị Tòa án giao con chung là cháu T1 và cháu D cho chị trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung T2 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng chị tự phân chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị và anh T không vay nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Về điều kiện và thời gian kết hôn của vợ chồng đúng như chị N đã trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do quan điểm sống trái ngược, tính tình không hợp và anh T nghi ngờ chị N có quan hệ bất chính với người đàn ông khác nên vợ chồng cãi chửi nhau. Mâu thuẫn trầm trọng chị N đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ để sinh sống và sống ly thân với anh T từ tháng 7 năm 2018 cho đến nay. Nay chị N xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên anh T đồng ý.

- Về con chung: Anh T xác định vợ chồng có ba con chung như chị N trình bày là đúng. Anh T đang làm thợ phụ hồ, thu nhập khoảng 6 triệu đồng/tháng. Anh T có nguyện vọng được nuôi cả ba con chung và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con nhưng do chị N không đồng ý nên anh T đề nghị Tòa án giao cháu T1 và cháu T2 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu D cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng anh tự phân chia tài sản không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng anh không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án số 85/2018/HNGĐ-ST ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi con Nguyễn Đức D, sinh ngày 05/02/2013. Giao cho anh Nguyễn Văn T nuôi hai con là Nguyễn Thị T1, sinh ngày 15/9/2002 và Nguyễn Thị Thanh T2, sinh ngày 25/11/2007, không ai phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Chị N, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Chị N và anh T thỏa thuận tự phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/11/2018, bị đơn là anh Nguyễn Văn T kháng cáo phần nuôi con chung của bản án sơ thẩm số 85/2018/HNGĐ - ST ngày 28/11/2018 đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giao con chung là cháu Nguyễn Thị T1 và cháu Nguyễn Thị Thanh T2 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung là cháu Nguyễn Đức D cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Anh T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin thay đổi việc nuôi con chung. Chị N đồng ý với yêu cầu kháng cáo của anh T, đề nghị Hội đồng phúc thẩm giao cho anh T trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Đức D, chị N trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Thị T1 và cháu Nguyễn Thị Thanh T2, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến: Quá trình thực hiện tố tụng của Hội đồng xét xử, các đương sự đảm bảo đúng pháp luật. Tại phiên tòa, các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án và sự thỏa thuận của họ là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Nguyễn Văn T làm trong hạn luật định, nên kháng cáo là hợp lệ.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn thấy: Chị N và anh T có ba con chung là cháu Nguyễn Thị T1, sinh ngày 15/9/2002; cháu Nguyễn Thị Thanh T2, sinh ngày 25/11/2007 và cháu Nguyễn Đức D, sinh ngày 05/02/2013. Xét thấy chị N và anh T đều có thu nhập và có nguyện vọng nuôi con chung là hoàn toàn chính đáng. Anh T kháng cáo phần nuôi con chung, đề nghị Hội đồng xét xử phúc giao cháu Nguyễn Thị T1 và cháu Nguyễn Thị Thanh T2 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Đức D cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu T1 và cháu T2. Đồng thời, tại phiên tòa chị N cũng đồng ý với yêu cầu kháng cáo của anh T, đề nghị Tòa án phúc thẩm giao cháu Nguyễn Đức D cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Thị T1 và cháu Nguyễn Thị Thanh T2 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Xét thấy, tại phiên tòa các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức

xã hội. Vì vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm cần sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[3] Về án phí: Tại phiên tòa, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên người kháng cáo là anh Nguyễn Văn T phải chịu toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 300 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 29 - Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án.

1. Sửa bản án sơ thẩm số 85/2018/HNGĐ - ST ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, công nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con chung của chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn T.

Giao cháu Nguyễn Đức D, sinh ngày 05/02/2013 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Thị T1, sinh ngày 15/9/2002 và cháu Nguyễn Thị Thanh T2, sinh ngày 25/11/2007 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hai bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng anh T đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số 0005288 ngày 30/11/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí.

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà;
- Chi cục THADS huyện Hưng Hà
- UBND thị trấn H, huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Hà

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Các Thẩm phán

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

